

Nam <Thư
viên>

BỘ CÔNG AN

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THƯ VIỆN
TRONG CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG CÔNG AN NHÂN DÂN
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
ĐẶT RA HIỆN NAY**



HÀ NỘI - 2020

KẾT NỐI CÁC THƯ VIỆN VIỆT NAM THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

TS. Nguyễn Văn Thiên

ThS. Nguyễn Ngọc Nam

Khoa Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết luận giải về kết nối thư viện; Giới thiệu về một số mô hình kết nối, hợp tác thư viện trên thế giới và khu vực; Thông qua kết quả khảo sát thực trạng kết nối liên thông các thư viện tại Việt Nam bài viết nhận định về những tồn tại và đề xuất giải pháp khắc phục.

Từ khóa: Kết nối thư viện; Hợp tác thư viện; Mô hình; Việt Nam.

Mở đầu

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với những thành tựu vượt trội của khoa học công nghệ như: nền tảng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, Internet kết nối vạn vật, đang thực sự tác động đến mọi hoạt động thông tin thư viện. Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ các thư viện trên thế giới cũng như tại Việt Nam đang có sự chuyển dịch từ mô hình thư viện truyền thống sang mô hình thư viện hiện đại. Có nhiều sự khác biệt trong hoạt động của thư viện hiện đại, trong đó có sự kết nối liên thông. Theo D. Jotwani [3] thư viện hiện đại không hoạt động độc lập mà là một không gian liên kết nhiều thư viện, nơi tạo ra kiến thức mới và các dịch vụ mang tính tương tác cao giữa người sử dụng và thư viện. Sự tương tác này thông qua không gian thực và cả không gian ảo.

Trong những thập niên gần đây các thư viện tại Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ theo hướng ứng dụng công nghệ, tuy nhiên việc kết nối liên thông giữa các thư viện còn có nhiều hạn chế, cần nhận diện và có những giải pháp khắc phục, đó cũng là mục tiêu của bài viết này.

1. Kết nối thư viện

Trên thực tế kết nối thư viện đã được đề cập nhiều với các định nghĩa và thuật ngữ khác nhau như: kết nối thư viện, hợp tác thư viện, liên hợp thư viện, mượn liên thư viện, liên thông thư viện... Nội hàm của các định nghĩa, thuật ngữ này có điểm tương đồng đều đề cập về sự hợp tác trong thư viện, tuy nhiên cũng có điểm khác nhau thông qua việc trọng tâm vào các phương diện khác nhau của sự hợp tác thư viện.

Luật Thư viện Việt Nam [6] ban hành năm 2019 xác định liên thông thư viện là hoạt động liên kết, hợp tác giữa các thư viện nhằm sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện, kết quả xử lý tài nguyên thông tin, sản phẩm thông tin thư viện và dịch vụ thư viện. Điều 29 của luật này cũng qui định chi tiết về liên thông thư viện từ các phương diện: nội dung liên thông, phương thức liên thông và cơ chế liên thông.

Có nhiều yếu tố đảm bảo cho việc kết nối liên thông các thư viện trong đó trọng tâm vào hai điều kiện chính đó là:

- Điều kiện về kỹ thuật, tiêu chuẩn đảm bảo cho kết nối.
- Điều kiện về mặt cơ chế kết nối (sự thỏa thuận giữa các thư viện).

Ngày nay kết nối liên thông thư viện được xem là xu thế tất yếu, là một đặc điểm của thư viện hiện đại. Kết nối liên thông thư viện có thể là chính thức thông qua sự hợp tác, thỏa thuận giữa các thư viện hoặc cũng có thể là không chính thức. Việc kết nối chính thức thường được thực hiện thông qua các biên bản ghi nhớ, hợp đồng, thỏa thuận... giữa các thư viện. Việc kết nối không chính thức có thể được thiết lập nhờ sự hỗ trợ của công nghệ. Ví dụ như việc sử dụng các bộ giao thức mở để kết nối các hệ thống với nhau thì không nhất thiết cần có sự thỏa thuận. Kết nối liên thông thư viện hướng đến nhiều mục đích khác nhau tùy theo mục đích của các thư viện khi tham gia. Trong đó, mục đích trọng tâm thường là chia sẻ thông tin, tiết kiệm các nguồn lực, tăng năng lực cạnh tranh của thư viện so với các kênh cung cấp thông tin khác. Ngày nay, môi trường hoạt động của thư viện có nhiều biến động, kết nối liên thông thư viện giúp các thư viện tăng khả năng thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của môi trường hoạt động cũng như thực hiện tốt những sứ mệnh mới trong tiến trình phát triển.

2. Một số mô hình kết nối thư viện đại học trên thế giới và trong khu vực

- Mạng lưới thư viện đại học Hồng Kông - HKALL (Hong Kong Academic Library Link) là một dự án nhằm thúc đẩy hoạt động chia sẻ nguồn lực thông tin được thực hiện bởi sự liên kết của 8 thư viện các trường đại học:

- + Chinese University of Hong Kong
- + City University
- + Hong Kong Baptist University
- + Hong Kong Institute of Education
- + Hong Kong Polytechnic University
- + Hong Kong University of Science and Technology

+ Lingnan University

+ The University of Hong Kong

HKALL sử dụng chung một phần mềm thư viện điện tử cho các trường thành viên. HKALL là thư viện đầu mối cho phép tất cả sinh viên và cán bộ của 8 trường đại học tham gia sử dụng tài nguyên và chia sẻ nguồn lực tài liệu với hơn 5 triệu tài liệu chuyên khảo sẵn có của 8 trường đại học tham gia. Họ cũng có thể yêu cầu sử dụng trực tiếp những tài liệu này và bạn đọc cũng có thể mượn về nhà. Trong trường hợp có những loại tài liệu bạn đọc cần mượn các loại tài liệu in không thể gửi qua HKALL, bạn đọc có thể đến các thư viện thành viên để gửi yêu cầu sử dụng tài liệu hoặc tới quầy mượn trả để được hướng dẫn chi tiết. Có đường liên kết chi tiết giúp bạn đọc tìm đến những thư viện thành viên.

- LCONZ (Library Consortium of New Zealand) là liên hợp gồm 4 thư viện trường đại học:

+ AUT University.

+ Victoria University of Wellington.

+ University of Waikato.

+ University of Otago.

Mục tiêu của LCONZ là nhằm hợp tác trao đổi, phân phối nguồn lực thông tin và các loại hình dịch vụ thông tin với các trường đại học của New Zealand, để đảm bảo rằng sinh viên, cán bộ và các nhà nghiên cứu của các trường đại học của New Zealand có thể truy cập và sử dụng nguồn tài liệu và các loại hình dịch vụ này.

- AARLIN Consortium (Academic and Research Library Network Consortium, Australia) bao gồm 08 thư viện trường đại học lớn của Úc liên kết phối hợp bổ sung và chia sẻ các nguồn tài nguyên điện tử, các nguồn tài nguyên nội sinh.

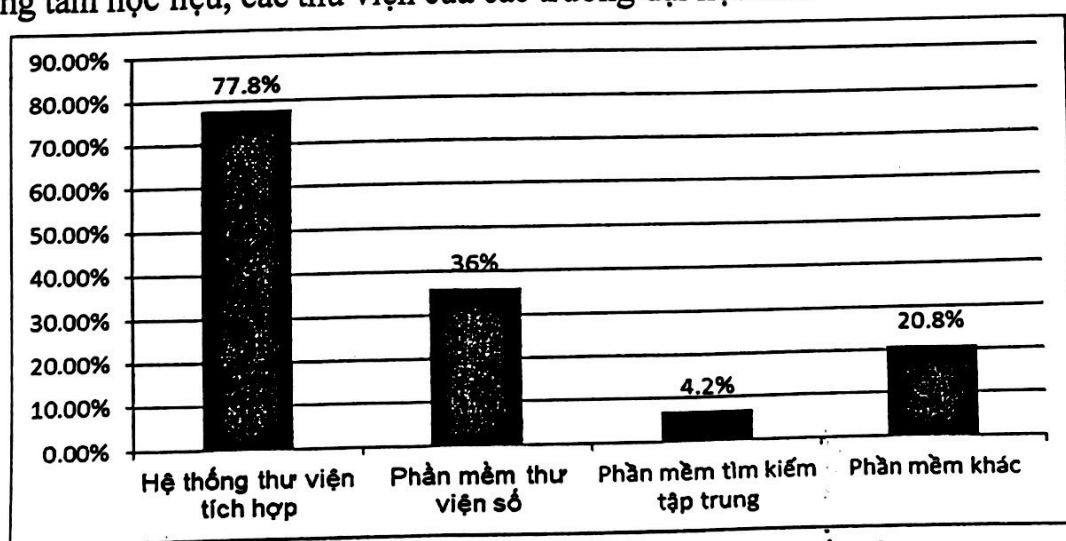
- Tại Hoa Kỳ nhiều liên hợp hợp các thư viện được thiết lập nhằm chia sẻ nguồn lực thông tin và phối hợp hợp tác trong các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ. Trong hệ thống thư viện các trường đại học có thể đề cập đến liên hợp các thư viện Boston - Library Consortium (BLC) gồm 16 thư viện đại học, các viện nghiên cứu ở Massachusetts và Rhode Island. Liên hợp này được thành lập và hướng tới mục tiêu liên kết chia sẻ thông tin thư mục. Các thư viện thành viên trong liên hợp có khả năng kết nối tra cứu đến mạng thư mục gồm trên 25 triệu tài liệu.

- Tại Thái Lan dưới sự điều hành của Bộ Giáo dục Thái Lan một số liên hợp được hình thành và hoạt động trong qui mô liên kết cả nước, các liên hợp này hướng đến những mục đích khác nhau. ThaiLIS (Thailand Library Intergrated System) đây là liên hợp các thư viện đại học nhằm mục đích sử dụng chung nguồn tài liệu điện tử mua từ nước ngoài.

3. Thực trạng kết nối liên thông giữa các thư viện tại Việt Nam

Để xác định thực trạng kết nối liên thông giữa các thư viện Việt Nam, tác giả bài nghiên cứu này sử dụng kết quả khảo sát trong một nghiên cứu được tiến hành tại Khoa Thông tin Thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội [7]. Qui mô khảo sát được tiến hành tại gần 80 thư viện và trung tâm thông tin lớn tại Việt Nam. Bao gồm các thư viện đại học, chuyên ngành, đa ngành và công cộng tại cả ba miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam. Các phương diện khảo sát tập trung vào thực trạng hiện đại hóa các hoạt động trong thư viện, thực trạng kết nối liên thông các hệ thống quản lý thư viện (phần mềm) nhằm chia sẻ thông tin.

Kết quả khảo sát cho thấy, các thư viện lớn tại Việt Nam đã và đang tập trung các nguồn lực nhằm mục tiêu phát triển thư viện theo mô hình hiện đại. Để thực hiện mục tiêu hiện đại hóa, các thư viện Việt Nam đã đầu tư phát triển hạ tầng CNTT hiện đại bao gồm phần cứng (máy tính, trang thiết bị), phần mềm và hệ thống mạng. Có 100% thư viện đã kết nối mạng Internet, 83% thư viện có đã hệ thống máy chủ riêng để cài đặt phần mềm phục vụ các hoạt động chuyên môn. Nhiều thư viện, trung tâm học liệu đầu tư hàng chục máy chủ. 100% số thư viện được khảo sát đã có hệ thống máy trạm dành cho cán bộ thư viện và bạn đọc khai thác thông tin. Những thư viện có hàng trăm máy trạm tập trung tại các trung tâm học liệu, các thư viện của các trường đại học lớn.



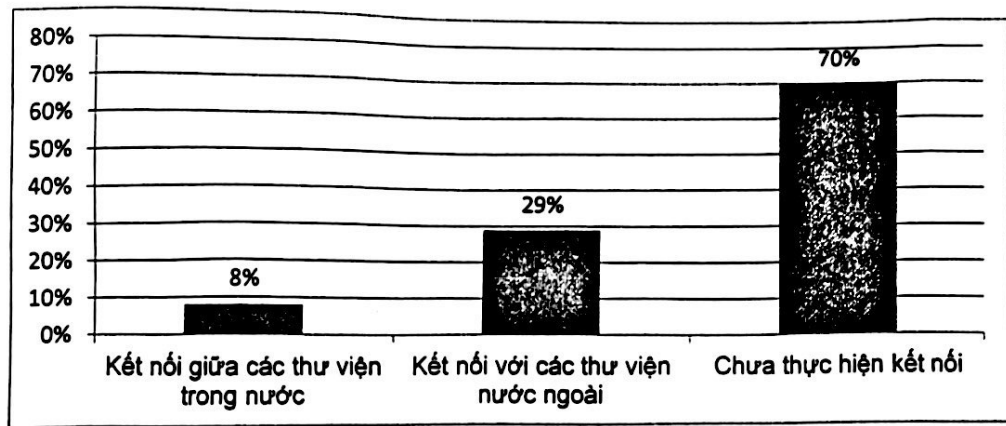
Biểu đồ 1: Tỷ lệ các thư viện sử dụng phần mềm

Bên cạnh sự đầu tư trang bị về hệ thống máy tính, kết quả khảo sát thực tế cho thấy các thư viện Việt Nam đã áp dụng nhiều phần mềm khác nhau vào quản lý các hoạt động. Số liệu khảo sát cho thấy có 78% số thư viện đã áp dụng các hệ thống thư viện tích hợp ILS (Intergrated Library System). Đây là các hệ phần mềm có khả năng thực hiện toàn diện các chức năng quản lý của thư viện theo hướng tự động hóa. Có 36% số thư viện được khảo sát đã áp dụng phần mềm thư viện số vào quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu toàn văn, các bộ sưu tập tài liệu số. Kết quả này cho thấy xu hướng xây dựng phát triển thư viện số đang được quan tâm đầu tư tại các thư viện lớn ở Việt Nam hiện nay. Tìm kiếm tập trung là phần mềm mới trong lĩnh vực thông tin thư viện, tuy nhiên đến thời điểm khảo sát tại Việt Nam đã có 7% số thư viện được khảo sát lựa chọn và áp dụng.

Qua phân tích thực trạng đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin tại các thư viện Việt nam có thể nhận thấy, các thư viện lớn tại Việt Nam đã và đang có sự thay đổi mạnh mẽ. Mô hình xây dựng thư viện hiện đại ứng dụng công nghệ đã được triển khai tại nhiều nơi và đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Nhiều thư viện đã được trang bị các hệ thống quản lý thư viện hiện đại căn bản như hệ thống thư viện tích hợp ILS, phần mềm thư viện số, phần mềm tìm kiếm tập trung. Trong đó hệ thống thư viện tích hợp ILS đã được trang bị khá phổ biến, các thư viện đều đã được kết nối mạng Internet.

Với hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông như hiện tại đã cơ bản đảm bảo tốt cho việc kết nối liên thông các thư viện Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực tế việc kết nối liên thông giữa các thư viện Việt Nam hiện nay lại cho thấy đang ở mức rất thấp, không có sự tương xứng với hạ tầng được đầu tư.

Số liệu khảo sát trong biểu đồ 1 cho thấy 78% số thư viện được khảo sát đã áp dụng các hệ thống thư viện tích hợp ILS vào quản lý các hoạt động chuyên môn. Với hệ thống này các thư viện có thể sử dụng giao thức mở kết nối liên thông cơ sở dữ liệu với các thư viện khác để tìm kiếm, trao đổi thông tin thư mục hoặc thực hiện phương thức biên mục sao chép (Copy Cataloging). Tuy nhiên, số liệu thống kê trong biểu đồ 2 lại cho thấy gần có 70% số thư viện chưa thực hiện kết nối liên thông, có 29% đã kết nối tới các thư viện nước ngoài, chỉ có 8% các thư viện trong nước đã kết nối với nhau. Mục đích của những thư viện đã kết nối liên thông chủ yếu là để biên mục sao chép các biểu ghi thư mục. Do ràng buộc về vấn đề bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ việc kết nối liên thông các hệ thống thư viện số chia sẻ tài liệu toàn văn gần như chưa được thực hiện.



Biểu đồ 2: Tỷ lệ thư viện đã thực hiện kết nối

Kết quả này cho thấy sự kết nối liên thông giữa các thư viện tại Việt Nam đang ở mức rất thấp. Đây là một hạn chế lớn bởi từ những thập niên cuối của thế kỷ trước xu hướng chung của các thư viện trên thế giới là luôn sẵn sàng cho việc kết nối trao đổi thông tin đặc biệt là các thông tin thư mục. Minh chứng là các thư viện luôn sẵn sàng chia sẻ, thậm chí thông tin rộng rãi trên mạng internet các thông số đáp ứng cho việc cài đặt các giao thức mở kết nối liên thông thư viện, ví dụ: các thông số để cài đặt bộ giao thức Z39.50. Tại Việt Nam hiện nay, không nhiều thư viện sẵn sàng cho việc chia sẻ các thông số này nên dẫn đến một thực tiễn là các thư viện Việt Nam vẫn phát triển như những ốc đảo độc lập. Các thư viện luôn thể hiện sự sẵn sàng kết nối trong các cuộc hội thảo, hội nghị nhưng trên thực tế thì việc kết nối liên thông thư viện chưa được triển khai hiệu quả. Thậm chí việc kết nối liên thông giữa các thư viện Việt Nam với nhau còn khó khăn hơn là kết nối tới các thư viện nước ngoài.

Với thực trạng kết nối liên thông giữa các thư viện Việt Nam như hiện nay sẽ tạo ra nhiều khó khăn cho các thư viện, bởi kết nối, liên kết các thư viện là một xu thế tất yếu hiện nay. Hoạt động này không chỉ cấp thiết với các quốc gia kém phát triển, đang phát triển mà còn được rất quan tâm tại các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, New Zealand, Úc...

4. Một số đề xuất nhằm tăng cường khả năng kết nối liên thông giữa các thư viện Việt Nam

Qua nghiên cứu các mô hình và thực trạng kết nối thư viện tại Việt Nam, theo tác giả để cải thiện việc kết nối liên thông giữa các thư viện Việt Nam cần tập trung vào các giải pháp chính sau:

Lựa chọn mô hình kết nối thư viện phù hợp

Qua nghiên cứu các mô hình hợp tác kết nối thư viện tại các quốc gia trên thế giới và trong khu vực có thể nhận thấy, các mô hình kết nối thư viện không

mang tính dàn trải mà trọng tâm vào những thư viện có nhiều đặc điểm tương đồng về: Chức năng, nhiệm vụ; Nguồn lực thông tin; Đối tượng người sử dụng... Điều này một mặt đảm bảo cho tính khả thi, đồng thời quyết định hiệu quả của việc kết nối. Với thực tiễn Việt Nam hiện nay để tăng cường kết nối thư viện giải pháp lựa chọn mô hình xây dựng thư viện hạt nhân - Thư viện đóng vai trò trung tâm nên được cân nhắc áp dụng. Trước hết cần có sự phân hoạch các thư viện Việt Nam dựa trên những tiêu chí nhất định. Kết quả của việc phân hoạch sẽ tìm ra nhóm những thư viện có nhiều điểm tương đồng về chức năng nhiệm vụ, nguồn lực thông tin, người dùng tin... và lựa chọn ra những thư viện có điều kiện tốt nhất đứng ra làm đầu mối. Mục tiêu của việc thiết lập các thư viện hạt nhân nhằm tiết kiệm kinh phí đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thư viện thông qua việc tạo nên một sức mạnh tập trung. Các thư viện hạt nhân sẽ là nơi chịu trách nhiệm tập trung các thư viện thành viên có cùng đặc điểm, tương đồng thành một hệ thống, tạo nên sự liên thông, liên kết giữa các thành viên để cùng nhau xây dựng, chia sẻ và khai thác nguồn tài nguyên thông tin, trao đổi và chia sẻ các vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt nhất, hiệu quả nhất các nhiệm vụ của từng thư viện. Thư viện hạt nhân sẽ đảm đương vai trò lớn giúp các thư viện thành viên nâng cao được năng lực đáp ứng nhu cầu thông tin thông qua việc tận dụng hợp lý nhất năng lực hiện có của từng thành viên và việc mở rộng diện nguồn tin mà người dùng tin có thể khai thác; gia tăng được số lượng người dùng tin chức năng của mỗi cơ quan; nâng cao tính tiện lợi trong việc khai thác, sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả nhằm giảm chi phí đầu tư.

Hoàn thiện cơ chế kết nối thư viện

Có thể nói, Luật Thư viện được Quốc hội thông qua và ban hành năm 2019 đã tạo ra một hành lang pháp lý quan trọng cho việc kết nối liên thông các thư viện. Một trong nhiều điểm mới quan trọng của luật so với các văn bản trước đó là liên thông thư viện. Liên thông thư viện được định nghĩa trong luật, là một trong những nguyên tắc của hoạt động thư viện và được qui định chi tiết trong điều 29 thuộc chương 3 của Luật Thư viện. Tuy nhiên, để luật thực sự đi vào thực tiễn cần phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó quan trọng nhất là nhận thức từ chính các thư viện về sự cấp thiết phải kết nối liên thông các thư viện nhằm tạo ra sức mạnh tổng thể trong bối cảnh môi trường hoạt động thư viện có nhiều thay đổi. Kết quả khảo sát trong biểu đồ 2 cho thấy chỉ có 8% các thư viện được khảo sát đã kết nối ở phạm vi trong nước, thực tế này cho thấy nhiều thư viện đã đủ điều kiện về mặt kỹ thuật nhưng vẫn chưa sẵn sàng cho việc kết nối liên

thông. Trong bối cảnh môi trường hoạt động có nhiều thay đổi, đặc biệt là sự chuyển dịch sang vai trò quản trị tri thức, các thư viện cần xác định rằng kết nối liên thông là một trong những giải pháp cấp thiết quyết định tương lai, sự phát triển và khẳng định vai trò của chính mình. Căn cứ trên các nội dung về liên thông thư viện trong Luật Thư viện, các thư viện cần chi tiết hóa thành các qui định chi tiết có sự thống nhất trên cơ sở đồng thuận của tất cả các thành viên tham gia. Đây chính là cơ chế đảm bảo để kết nối các thư viện.

Chuẩn hóa các hệ thống phần mềm quản lý

Bên cạnh vấn đề cơ chế một trong những nguyên nhân khác dẫn tới 70% số thư viện được khảo sát chưa thể kết nối liên thông tới các thư viện khác đó là vấn đề kỹ thuật. Một thực tế cần thừa nhận rằng nhiều hệ thống phần mềm quản lý đang được các thư viện lựa chọn sử dụng chưa hỗ trợ tốt về mặt chức năng để các thư viện có thể kết nối liên thông. Qua phỏng vấn nhiều cán bộ quản lý hệ thống tại các thư viện cho biết hệ thống của họ không thể kết nối trực tiếp sang hệ thống khác do không tương thích về các chuẩn. Từ thực tế trên, để cải thiện việc kết nối liên thông giữa các thư viện Việt Nam giải pháp đánh giá, nâng cấp, chuẩn hóa hoặc thay thế các hệ thống phần mềm quản lý trong các thư viện là cần thiết. Trong bối cảnh hiện nay các thư viện cần lựa chọn được những hệ thống phần mềm quản lý đủ mạnh, đáp ứng được các tiêu chuẩn không chỉ kết nối liên thông được các thư viện với nhau mà còn có khả năng kết nối liên thông đến các hệ thống khác cũng như các mạng xã hội. Các hệ thống phần mềm quản lý không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin, tri thức một chiều từ thư viện đến người sử dụng mà cần tạo ra một môi trường đa chiều để người sử dụng có thể chia sẻ thông tin, tri thức vào kho dữ liệu số dùng chung trong hệ sinh thái tri thức số.

Kết luận

Dưới tác động của chuyển đổi số hoạt động thông tin thư viện đang có những sự thay đổi nhanh chóng, các thư viện đang chuyển dịch mô hình thư viện hiện đại. Sự thay đổi này là xu hướng chung của các thư viện trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Trong bối cảnh ứng dụng khoa học và công nghệ việc kết nối liên thông giữa các thư viện nhằm tạo ra một sức mạnh tổng thể trong khả năng cung cấp thông tin là tất yếu. Tuy nhiên tại Việt Nam việc kết nối liên thông giữa các thư viện còn bộc lộ nhiều hạn chế. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới những hạn chế này, việc khắc phục những điểm hạn chế sẽ giúp cho các thư viện Việt Nam phát triển bền vững và thực hiện tốt vai trò mới của mình./.

N.V.T - N.N.N

Tài liệu tham khảo:

1. Agnes Mainka, Sviatlana Khveshchanka (2012) "*Digital Libraries as Knowledge Hubs in Informational Cities*" Truy cập ngày 5.09 - 2020, tại trang web: <https://www.researchgate.net>.
2. Henczel, S., *Supporting the KM environment: The roles, responsibilities, and rights of information professionals*. Truy cập ngày 5.09 - 2020, tại trang web: https://www.researchgate.net/publication/247677530_Supporting_the_KM_environment_The_Roles_Responsibilities_and_Rights_of_Information_Professionals.
3. Jotwani, D. (2008), *Best Practices in a Modern Library and Information Center*, Truy cập ngày 15.8-2015, tại trang web <http://ir.inflibnet.ac.in/handle/1944/1223>.
4. Kimiz Dalkir. (2011), *Knowledge Management in Theory and Practice*. The MIT Press Cambridge, Massachusetts London, England.
5. Klaus Ceynowa (2016), *Information in the Digital Knowledge Ecosystem. Challenges for the Library of the future*, IFLA Publication, Berlin Germany.
6. Luật số: 46/2019/QH14 - *Luật Thư viện* (2019), Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2019.
7. Nguyễn Văn Thiên (2017), *Quản lý thư viện hiện đại tại Việt Nam*, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, Hà Nội.
8. http://hkall.hku.hk/screens/hkall_2.html
9. <http://www.lconz.ac.nz/about.html>